

Số: 81 /BC-QLCL

Lâm Đồng, ngày 06 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Thông tin giá cả thị trường nông sản từ 30/6/2023 đến ngày 06/7/2023

I. Giá nông sản, vật tư tại Lâm Đồng:

Qua cập nhật thông tin giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại các điểm cung cấp tin trên địa bàn các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Lâm Hà, Bảo Lâm, Đà Tẻh và thành phố Đà Lạt, giá cổng trại một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp có sự biến động so với tuần trước như sau:

1. Một số sản phẩm nông sản

- Sản phẩm rau, củ, quả: Đậu leo 17.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg. Các sản phẩm rau, củ, quả còn lại đều có giá ổn định so với tuần trước.

- Sản phẩm hoa: Hoa hồng Đà Lạt 10.000 – 12.000 đồng/chục, giảm 2.000 đồng/chục; hoa lily Sorbone và Concador 65.000 – 75.000 đồng/bó, giảm 5.000 đồng/bó; hoa đồng tiền 25.000 đồng/chục, giảm 8.000 đồng/chục so với tuần trước. Một số loại hoa Đà Lạt còn lại như hoa cúc, hoa lay ơn, hoa cẩm chướng, hoa cát tường... đều có giá ổn định so với tuần trước.

- Sản phẩm cây công nghiệp: Cà phê vối nhân xô 64.000 - 64.100 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg so với tuần trước.

- Sản phẩm chăn nuôi: Kén tằm (tại Bảo Lâm) 174.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; kén tằm (tại Lâm Hà) 190.000 đồng/kg, kén tằm (tại Đà Tẻh) 150.000 đồng/kg, đều giảm 5.000 đồng/kg so với tuần trước.

Các sản phẩm chăn nuôi còn lại như gà hơi, lợn hơi, sữa bò... đều có giá ổn định so với tuần trước.

2. Vật tư nông nghiệp

Các sản phẩm vật tư phân bón đều có giá ổn định tại các huyện so với tuần trước.

3. Dự báo chung

Trong thời gian tới, dự báo các loại hoa Đà Lạt và sản phẩm vật tư nông nghiệp... giá cả tương đối ổn định.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 1 đính kèm)

II. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố:

1. Tại TP HCM

1.1 Nhóm cây trồng chủ lực- rau.

Tổng sản lượng rau, quả bình quân tuần này của 03 chợ đầu mối là 3.786 tấn/ngày so với tuần trước là 4.001 tấn/ngày (giảm bình quân 215 tấn/ngày so với tuần trước) trong đó: sản lượng rau củ bình quân tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.559 tấn/ngày (giảm bình quân 108 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.574 tấn/ngày (giảm bình quân 110 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Bình điền là 653 tấn/ngày (tăng bình quân 3 tấn/ngày so với tuần trước);.

a) Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua tăng bình quân 1,6% so với tuần trước trong đó: Giá khổ qua 10.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

b) Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua tăng bình quân 1,4% so với tuần trước trong đó: Giá khổ qua 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức

Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức trong tuần qua tăng bình quân 21,9% so với tuần trước, trong đó: Giá cải xanh 13.000 đồng/kg (tăng 4.000 đồng/kg); giá bầu 6.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bí đao 6.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá dưa leo 9.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá khổ qua 8.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

d) Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu

Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu trong tuần qua ổn định so với tuần trước.

e) Giá rau, quả tại siêu thị.

Giá rau, quả tại siêu thị Coopmart tuần qua tăng bình quân 11,2% so với tuần trước. Giá cải xanh 32.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg); giá bầu 29.000 đồng/kg (tăng 7.500 đồng/kg); giá khổ qua 32.600 đồng/kg (tăng 4.800 đồng/kg); giá dưa leo 20.500 đồng/kg (tăng 1.500 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

1.2. Nhóm sản phẩm chăn nuôi chủ lực - heo

- Giá heo giống loại từ (16 đến 20 kg) giá dao động từ 2.000.000 đến 2.400.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại các trại chăn nuôi, hộ dân như sau: Giá heo hơi loại 1 là 62.000 đồng/kg và loại 2 là 58.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại công ty Cổ phần C.P như sau: Giá heo hơi loại 1 là 64.000 đồng/kg và loại 2 là 60.500 đồng/kg, giá bình quân ổn định so với tuần trước.

a) Tổng sản lượng thịt heo tại 02 chợ đầu mối

Tổng sản lượng thịt heo bình quân tại hai chợ đầu mối trong tuần qua là 570 tấn/ngày so với tuần trước là 563 tấn/ngày (tăng bình quân 1,3% so với tuần trước), trong đó: sản lượng thịt heo bình quân chợ đầu mối Hóc Môn là 356 tấn/ngày (tăng bình quân 4 tấn/ngày so với tuần trước), sản lượng thịt heo bình quân chợ Bình Điền là 214 tấn/ngày (tăng bình quân 3 tấn/ngày so với tuần trước).

b) Giá thịt heo chợ đầu mối Hóc Môn

- Giá các mặt hàng thịt heo tại chợ đầu mối Hóc Môn bình quân giảm 0,4% so với tuần trước. Trong đó: Giá thịt heo mảnh loại 1 là 70.000 đồng/kg (giảm 4.000 đồng/kg), giá thịt heo mảnh loại 2 là 65.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg); giá thịt cốt lết 70.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg), giá thịt đùi rọ 75.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); giá thịt giò sau 65.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); các mặt hàng thịt heo khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu

Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu trong tuần ổn định so với tuần trước.

d) Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan

Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan tăng 4,2% so với tuần trước.

1.3 Nhóm sản phẩm thủy sản

a) Tổng sản lượng thủy sản chợ Bình Điền

Sản lượng thủy hải sản chợ Bình Điền tăng 3% so với tuần trước. Giá thủy sản tại chợ đầu mối Bình Điền ổn định so với tuần trước: giá mực ống (F) là 220.000 đồng/kg và giá mực lá 230.000 đồng/kg.

b) Giá tôm nước lợ tại chợ Bà Chiểu

Giá tôm nước lợ tại chợ Bà Chiểu tuần này ổn định so với tuần trước, trong đó: tôm thẻ (F) 280.000 đồng/kg và giá tôm sú (F) 360.000 đồng/.

1.4. Giá gia cầm tại chợ Bình Điền, chợ truyền thống và sản lượng

- Sản lượng gia cầm bình quân tuần qua là 7,4 tấn/ngày (giảm 5,1% so với tuần trước).

- Giá gia cầm chợ Bình Điền ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 40.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 60.000 đồng/kg.

- Giá gia cầm chợ Bà Chiểu ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 75.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 90.000 đồng/kg.

1.5. Giá trái cây và sản lượng tại 03 chợ đầu mối

- Tổng sản lượng trái cây về 3 chợ đầu mối trong tuần qua bình quân là 1.960 tấn/ngày so với tuần trước là 2.423 tấn/ngày (giảm bình quân 463 tấn/ngày so với tuần trước). Tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.139 tấn/ngày (giảm bình quân 386 tấn/ngày so với tuần trước), tại chợ đầu mối Bình Điền là 410 tấn/ngày (giảm bình quân 86 tấn/ngày so với tuần trước), tại chợ đầu mối Hóc Môn là 411 tấn/ngày (tăng bình quân 9 tấn/ngày so với tuần trước).

- Giá trái cây chợ đầu mối Thủ Đức giảm 3,8% so với tuần trước, giá trái cây tại chợ Bà Chiểu ổn định so với tuần trước, giá trái cây tại siêu thị Coopmart tăng bình quân 1,4% so với tuần trước.

2. Tại Hà Nội

- Ghi nhận tại một số chợ trên địa bàn Hà Nội, giá cả hàng hóa đang có xu hướng tăng sau thông tin tăng lương cơ sở từ ngày 1/7. Giá cả các mặt hàng thực phẩm rau củ tươi, thịt lợn, thịt gà, trứng... tăng nhẹ.

- Cụ thể, giá các loại rau xanh tăng nhẹ từ 3.000 - 5.000 đồng/kg. Rau cải xanh từ 25.000 đồng/kg lên 30.000 đồng/kg. Rau cải thảo tăng từ 15.000 đồng/kg lên 17.000 đồng/kg. Cà chua khoảng 20.000 đồng/kg, rau muống 8.000 đồng/mớ. Mặt hàng trứng vịt, trứng cút lộn không có sự biến động. Trứng gà ta tăng nhẹ từ 2.800 đồng/quả lên 3.000 đồng/quả.

Các loại rau xanh nhập tại chợ đầu mối tăng nhẹ trong tuần vừa qua. Nguyên nhân là do thời tiết nắng mưa thất thường ảnh hưởng đến việc chăm sóc rau. Giá rau xanh bị ảnh hưởng bởi yếu tố môi trường là chính. Tuy nhiên, vừa qua có thông báo tăng lương nên các chợ đầu mối lớn cũng rục rịch tăng giá. Thời gian tới, nếu giá rau nhập vào tăng như thời điểm bão giá cách đây một năm trước sẽ khiến người tiêu dùng e ngại.

3. Khu vực Cần thơ

Tại chợ đầu mối Cờ Đỏ, hôm nay giá nhiều loại rau củ đã giảm 1.000 đồng/kg so với 1 tuần trước. Hiện giá củ cải trắng có giá thu mua 4.000 đồng/kg. Mướp 6.000 đồng/kg. Mướp đắng (khổ qua) 13.000 đồng/kg.

- Các loại rau củ giá vẫn ổn định như bắp cải 15.000 đồng/kg; bí đỏ 14.000 đồng/kg; bí đao 12.000 đồng/kg; dưa leo 8.000 đồng/kg.

4. Khu vực Đà Nẵng

Giá rau tại TP. Đà Nẵng ổn định so với tuần trước ngoại trừ cà chua giảm 4.000 đồng/kg, ớt chuông giảm 5.000 đồng/kg

5. Khu vực Gia Lai, Đắk Lắk

- Tại tỉnh Đắk Lắk: giá cà phê được thu mua cùng mức 65.000 đồng/kg giảm 800 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 67.000 đồng/kg giảm 2.500 đồng/kg so với tuần trước. Giá rau tại Đắk Lắk ổn định so với tuần trước ngoại trừ cà chua tăng 3.000 đồng/kg, ớt chuông tăng 10.000 đồng/kg, bắp xôi giảm 4.000 đồng/kg.

- Tại tỉnh Gia Lai: Giá cà phê ở mức 64.900 đồng/kg giảm 800 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 68.000 đồng/kg giảm 1.500 đồng/kg so với tuần trước. Giá rau tại Gia Lai ổn định so với tuần trước cải thảo tăng 1.000 đồng/kg, cà rốt tăng 2.000 đồng/kg, súp lơ tăng 5.000 đồng/kg, cần tây giảm 3.000 đồng/kg.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 2 đính kèm)

III. Giá tại các siêu thị:

Giá cả thị trường hôm nay 6/7/2023, cập nhật giá các loại rau củ tại một số siêu thị, cửa hàng tiện lợi ở TPHCM. Giá cả một số loại rau củ: Ớt chuông: 58.000 - 61.000 đồng/kg, Củ dền: 27.000 - 30.000 đồng/kg, Khổ qua: 22.000 - 25.000 đồng/kg, Quả thơm: 20.000 - 22.000 đồng/kg, Bí đỏ: 17.000 - 20.000 đồng/kg, Su su: 21.000 - 23.000 đồng/kg, Dưa leo: 20.000 - 25.000 đồng/kg, Mướp hương: 20.000 - 24.000 đồng/kg

III. Dự báo, thông tin thị trường:

- Thị trường cà phê: Dự báo thời gian tới, mối lo thiếu hụt nguồn cung cà phê robusta trong ngắn và trung hạn tiếp tục hỗ trợ xu hướng giá tăng. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu cơ tiếp tục chảy về các thị trường hàng hóa phái sinh nhờ có tính thanh khoản cao. Thị trường cà phê toàn cầu được hưởng lợi khi NHTW châu Âu (ECB) cho rằng lạm phát khu vực đồng Euro hiện đang ở mức rất cao và sẽ còn duy trì như vậy trong một thời gian rất dài, nên ECB cần tăng mức lãi suất lên để đủ sức kiềm chế lạm phát càng lâu càng tốt, đã gây áp lực lên USD so với các tiền tệ mạnh. Trong khi Copom – Brazil dự kiến sẽ cắt giảm bớt lãi suất đồng Real tại phiên họp chính sách kỳ tới khiến tỷ giá USD/BRL tăng, đã thúc đẩy người Brazil giảm bán cà phê xuất khẩu, góp phần hỗ trợ xu hướng giá tăng.

- Thị trường tiêu: giảm đơn hàng từ các nhà nhập khẩu từ châu Âu và Mỹ khi họ cho rằng giá không cạnh tranh và kỳ vọng nguồn cung từ Indonesia vào tháng 7 sẽ giúp thị trường hạ nhiệt. Bên cạnh đó, lượng hàng tồn từ các năm trước cũng giúp cho các nhà mua từ EU và Mỹ lưỡng lự chưa vội tham gia thị trường. Nhiều doanh nghiệp dự báo thị trường hạt tiêu toàn cầu chịu sức ép khi sản lượng của Việt Nam dự báo tăng

Nơi nhận:

- SNN & PTNT;
- BCĐ XTĐT NS gắn với phát triển sản phẩm OCOP;
- Lưu: VT, Trạm QLCL.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Phúc Tín

Phụ lục 1. Giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo báo cáo số 81 /BC-QLCL ngày 06 tháng 7 năm 2023)

I. Giá nông sản

STT	Mặt hàng nông sản	ĐVT	Giá công trại	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Cà chua thường (Rita)	Kg	5.000	15.000	
2	Cải bắp (Đơn Dương)	Kg	1.000	5.000	
3	Cải thảo (Đơn Dương)	Kg	1.000	5.000	
4	Xà lách lolo xanh (Đơn Dương)	Kg	10.000	22.000	
5	Xà lách cuộn (Đơn Dương)	Kg	12.000	25.000	
6	Hành lá	Kg	16.000	30.000	
7	Su su	Kg	4.000	10.000	
8	Su hào	Kg	5.000	15.000	
9	Củ dền	Kg	4.000	10.000	
10	Ớt sừng	Kg	13.000	30.000	
11	Đậu leo	Kg	17.000	25.000	Tăng 5.000
12	Xà lách Coron (Đà Lạt)	Kg	10.000	16.000	
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	15.000	22.000	
14	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	15.000	22.000	
15	Súp lơ xanh (Đà Lạt)	Kg	20.000	26.000	
16	Pó xôi (Đà Lạt)	Kg	30.000	38.000	
17	Sữa bò	Kg	13.000	17.000	
18	Lợn hơi (Lâm Hà)	Kg	63.000		
19	Gà mái hơi (Lâm Hà) Gà trống hơi (Lâm Hà)	Kg	80.000 70.000		
20	Kén tầm (Đạ Tẻh) Kén tầm (Lâm Hà) Kén tầm (Bảo Lâm)	Kg	150.000 190.000 174.000		Giảm 5.000 Giảm 5.000 Giảm 1.000
21	Hoa lay ơn (Đà Lạt)	Chục	30.000		
22	Hoa cúc cảnh (đại đoá)	Chục	27.000		
23	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	10.000		
24	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1 Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	12.000 10.000		Giảm 2.000
25	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	75.000		Giảm 5.000
26	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	65.000		Giảm 5.000
27	Hoa đồng tiền	Chục	25.000		Giảm 8.000
28	Hoa cẩm chướng	2 chục	33.000		
29	Hoa cát tường	Kg	65.000		

30	Cà phê vối nhân xô (Di Linh) Cà phê vối nhân xô (Bảo Lâm)	Kg	64.000 64.100	64.500 64.400	Giảm 2.000
31	Chè búp tươi hạt (Bảo Lâm) Chè búp tươi cành (Bảo Lâm)	Kg	5.000 8.500	6.000 9.000	

II. Giá vật tư nông nghiệp

STT	Mặt hàng vật tư nông nghiệp	ĐVT	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Đạm Phú Mỹ (Lâm Hà) Đạm Phú Mỹ (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	600.000 550.000	
2	Đạm SA Nhật (Lâm Hà)	Bao 50kg	420.000	
3	Lân Lâm Thao (Lâm Hà)	Bao 50kg	260.000	
4	Lân Văn Điển (Lâm Hà)	Bao 50kg	300.000	
5	Kali Phú Mỹ (Lâm Hà)	Bao 50kg	800.000	
6	Phân NPK 16-16-8 (Lâm Hà) Phân NPK 16-16-8 Việt Nhật (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	800.000 750.000	
7	Lân vôi (Lâm Hà)	Bao 50kg	130.000	
8	Phân DAP con ó Pháp (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	1.100.000	

Phụ lục 2. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố

(Kèm theo báo cáo số 81 /BC-QLCL ngày 06 tháng 7 năm 2023)

STT	Sản phẩm	ĐVT	Giá bán tại TP.HC M	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Hà Nội	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đà Nẵng	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Cần Thơ	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đắk Lắk	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Gia Lai	Tăng/ Giảm
I	RAU, CỎ													
1	Cà chua thường	Kg	18.000	-	25.000	-	21.000	-	16.000	-	18.000	+3.000	18.000	
2	Bắp cải	Kg	15.000	-	15.000	-1.000	18.000	-	14.000	+1.000	22.000	-	14.000	
3	Cải thảo	Kg	25.000	-	28.000	+4.000	18.000	-	20.000	-	14.000	-	17.000	+1.000
4	Xà lách lolo xanh	Kg	30.000	-	29.000	-13.000	31.000	-	45.000		26.000	-	30.000	
5	Cà rốt	Kg	30.000	-	26.000	-	25.000	-	17.000	-	14.000	-	15.000	+2.000
6	Hành lá	Kg	50.000	+10.000	48.000	-	35.000	-	27.000	+2.000	20.000	-	30.000	
7	Su hào	Kg	30.000	+5.000	19.900	-	20.000	-	16.000	-2.000	25.000	-	20.000	
8	Củ dền	Kg	25.000	+5.000	27.000	+5.000	20.000	-	20.000	-	15.000	-	22.000	
9	Ớt sừng	Kg	45.000	+5.000	72.900	-	45.000	-	41.000	-	40.000	-	60.000	
10	Cần tây	Kg	35.000	-	59.000	+11.000	40.000	-	32.000	+ 2.000	35.000	-	30.000	-3.000
11	Dưa leo	Kg	15.000	+5.000	19.000	-	12.000	-	14.000	-	17.000	-	12.000	
12	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	50.000	-	79.000	-	47.000	-	60.000	-	50.000	+10.000	50.000	

13	Ốt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	50.000	-	79.000	+10.000	50.000	-	60.000	-	45.000	-	50.000	
14	Súp lơ	Kg	55.000	-	44.900	+900	38.000	-	55.000	-5.000	35.000	-	45.000	+5.000
15	Khoai tây	Kg	35.000	-	43.000	+6.000	25.000	-	22.000	-	25.000	-	22.000	
17	Hành tây	Kg	30.000	+5.000	33.000	+1.000	19.000	-	24.000	+ 4.000	25.000	-	18.000 – 20.000	
18	Bồ xôi	Kg	35.000	-5.000	70.000	-5.000	37.000	-	30.000	-	26.000	-4.000	35.000	
II	HOA			-		-		-				-		
1	Hoa lay ơn	Chục	60.000	-	98.000	-	40.000	-	90.000	-	40.000	-	40.000	
2	Hoa cúc cảnh (đại đoá)	Chục	65.000	-	53.000	-	45.000.	-	55.000	-5.000	35.000	-	40.000	
3	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	17.000	+2.000	72.000	-	20.000	-	35.000	-	35.000	-	28.000	
4	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1	Chục	30000	-	92.000	-	30.000	-	110.000	-20.000	35.000	-	35.000	
5	Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	30.000	-	90.000	-	30.000	-	110.000	-20.000	30.000	-	35.000	
6	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	85.000	-	295.000	-	120.000	-	170.000	-	70.000	-	120.000	
7	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	85.000	-	312.000	-	120.000	-	165.000	-	65.000	+5.000	120.000	
8	Hoa đồng tiền	Chục	45.000	+5.000	50.000	-	45.000	-	50.000	-	50.000	+10.000	40.000	
III	TRÁI CÂY			-		-		-				-		
1	Bơ	Kg	30.000	+5.000			35.000	-	25.000	- 4.000	40.000	-	15.000-	

					19.900	-							20.000	
2	Sầu riêng Ri6	Kg	50.000	-5.000	82.000	+2.100	70.000	+10.000	75.000	-	70.000	-	65.000-75.000	
VI	SẢN PHẨM CHĂN NUÔI			-		-		-				-		
1	Lợn hơi	Kg	60.000	-	65.000	+4.000	60.000	-	61.000	-	59.000	-	59.000	-
2	Gà mái hơi	Kg	75.000	-	81.000	-	75.000	-	88.000	- 2.000	60000	-	70.000	-
3	Gà trống hơi	Kg	72.000	-	78.000	-	75.000	-	79.000	- 3.000	55.000	-	70.000	-

